CHUYỂN ĐỔI SINH KẾ CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ TẠI CHỖ Ở VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

(Nghiên cứu ở xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai)[1]

NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT

Ở Việt Nam, cho đến nay, phần lớn các nghiên cứu dân tộc học/nhân học về sinh kế tộc người chủ yếu tập trung vào hoạt động sản xuất nông nghiệp và gần đây, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đã được chú ý nhiều hơn (Bùi Bích Lan, 2015, tr. 26). Về chuyển đổi sinh kế, đã có một số nghiên cứu được thực hiện, như chuyển đổi sinh kế của nông dân dưới tác động của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa (Nguyễn Văn Sửu, 2008); chuyển đổi cơ cấu kinh tế của một cộng đồng cư dân do tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Nguyễn Văn Tạo, 2012); chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp do mất đất sản xuất (Trần Hồng Yến, 2009) hay diện tích đất sản xuất bị thu hẹp (Vũ Thị Hòa, 2012)… Bài viết này trình bày về chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài, cụ thể là người Mạ và người Stiêng, từ khi thực hiện định canh định cư và thành lập Vườn quốc gia (VQG) Cát Tiên.

1. Khái quát về các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài

Xã Tà Lài thuộc vùng đệm VQG Cát Tiên[2], có 1.825 hộ, 7.172 khẩu, trong đó người Kinh có 1.108 hộ (chiếm 60,7%); 3.956 khẩu (chiếm 55,2%) và các tộc người thiểu số có 717 hộ (39,3%); 3.216 khẩu (44,8%). Toàn xã có 313 hộ nghèo (18,3%) và 170 hộ cận nghèo (9,9%) (UBND xã Tà Lài, 2015). Trong xã, có hai cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ, đó là người Mạ và Stiêng, cư trú tập trung tại ấp 4[3]. Người Mạ có 185 hộ, 636 khẩu (chiếm 10,1% số hộ; 8,9% số khẩu) và người Stiêng có 132 hộ, 571 khẩu (chiếm 7,2% số hộ; 7,9% số khẩu).

[1] Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ cấp Bộ (2015 - 2016): "*Sinh kế bền vững của một số tộc người thiểu số ở khu vực vườn quốc gia Cát Tiên với yêu cầu bảo tồn và phát triển*" do tác giả là Chủ nhiệm, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ chủ trì.

[2] Vùng đệm nằm bao quanh VQG Cát Tiên, gồm có 36 xã, thị trấn của 8 huyện, thuộc 4 tỉnh, đó là: huyện Cát Tiên, Đạ Tẻh và Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng), huyện Tân Phú, Vĩnh Cửu và Định Quán (tỉnh Đồng Nai), huyện Bù Đăng (tỉnh Bình Phước) và huyện Đăk R'Lap (tỉnh Đăk Nông) (VQG Cát Tiên, 2012, tr. 18).

[3] Về mặt hành chính, xã Tà Lài có bảy ấp từ ấp 01 đến ấp 07. Ấp 4 nằm biệt lập bên bờ Bắc sông Đồng Nai, giáp ranh VQG Cát Tiên. Ấp 4 có 470 hộ, 1.931 nhân khẩu, trong đó người Kinh có 134 hộ, 540 nhân khẩu; và các tộc người thiểu số có 336 hộ, 1.595 hộ (UBND xã Tà Lài, 2015).

Cộng đồng các tộc người thiểu số tại chỗ ở vùng đệm VQG Cát Tiên, phần lớn là những cộng đồng nghèo. Thời điểm năm 2000, hầu hết các hộ gia đình trong cộng đồng người Mạ và Stiêng ở xã Tà Lài đều thiếu ăn khoảng 3 - 4 tháng/năm; ở xã Phước Cát 2 (huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng) có 40,7% hộ nghèo và 34,5% hộ đói, cộng đồng người Mạ ở thôn 4 và người Stiêng ở thôn 3 được coi là những cộng đồng nghèo nhất và khó khăn nhất của xã (UBND xã Tà Lài, 2000, tr. 13, 36). Đến nay, đời sống của cộng đồng các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài được cải thiện đáng kể, không còn hộ đói, ở người Mạ, số hộ nghèo là 65 hộ (chiếm 35,1%) và cận nghèo là 82 hộ (chiếm 44,3%); ở người Stiêng, hộ nghèo có 58 hộ (43,9%), hộ cận nghèo có 20 hộ (15,2%) (K Dách, 2015). Song, trong tiến trình phát triển chung và so với sự phát triển của các cộng đồng cư dân cư trú lân cận, sự chuyển đổi kinh tế - xã hội của các tộc người thiểu số tại chỗ vẫn còn chậm và đời sống còn nhiều khó khăn.

2. Chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài

2.1. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế

Trước năm 1975, ở khu vực VQG Cát Tiên, dân cư chủ yếu là các tộc người thiểu số tại chỗ như người Mạ, Stiêng, Châu ro, Mnông... sống du canh du cư[4], sinh kế chủ yếu là săn bắt, hái lượm và canh tác trên đất rẫy. Từ sau khi thực hiện định canh định cư vào cuối thập niên 70, thế kỷ XX và nhất là từ khi VQG Cát Tiên được thành lập năm 1992, người Mạ và người Stiêng định cư tại xã Tà Lài đã có những chuyển đổi căn bản trong sinh kế, từ nền kinh tế tự cung tự cấp chuyển dần sang nền kinh tế gắn với thị trường, bao gồm sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Việc thành lập VQG Cát Tiên cùng với các quy định cấm khai thác tài nguyên thiên nhiên đã có những tác động quan trọng đến sinh kế của cộng đồng các tộc người thiểu số tại chỗ - vốn là những cộng đồng sống gắn bó mật thiết với rừng, rừng như là "kho dự trữ lương thực vô tận" và cung cấp các nguyên liệu phục vụ đời sống. Hoạt động khai thác tài nguyên rừng dần mờ nhạt trong đời sống của họ, do sự kiểm soát ngày càng chặt chẽ trong công tác quản lý và bảo vệ VQG Cát Tiên.

2.2. Chuyển đổi trong sản xuất nông nghiệp

- Chuyển đổi giống cây trồng

Định cư ở xã Tà Lài và có sự giao lưu với người Kinh, các tộc người thiểu số tại chỗ đã học cách trồng lúa nước (VQG Cát Tiên, 2012, tr. 21). Các giống lúa truyền thống được thay thế bằng một số giống lúa mới, có năng suất cao. Hiện nay, giống lúa được trồng đại trà là OM5451 và một phần giống lúa thơm OM6162. Trên rẫy, các cây trồng ngắn ngày như lúa rẫy, ngô, bí... được thay bằng các cây công nghiệp như điều, tiêu, cà phê, trong đó cây điều là chủ đạo. Trước đây, nguồn nước tưới tiêu phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, diện tích trồng lúa nước chủ yếu làm được 01 vụ/năm. Sau khi đập Vàm Hô được xây dựng năm 2003, nhiều diện tích ruộng đã canh tác được 2 - 3

[4] Từ sau năm 1975, theo chương trình di dân xây dựng vùng kinh tế mới, giãn dân nội tỉnh và làn sóng di cư tự do, ở huyện Tân Phú đã có đông đảo cư dân từ miền Bắc, miền Trung, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai) về lập nghiệp (Trần Quang Toại và cộng sự, 1991, tr. 12).

vụ/năm. Những năm gần đây, một số diện tích đất trồng 3 vụ lúa được chuyển đổi trồng xen vụ ngô, mướp, bí xanh... có hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Chuyển đổi phương thức canh tác

Canh tác lúa rẫy truyền thống, đồng bào thực hiện phương thức phát, đốt, chọc lỗ và trỉa hạt. Khi mới chuyển sang canh tác lúa nước và trồng điều, đồng bào chưa sử dụng phân bón cho cây trồng và kỹ thuật canh tác còn giản đơn. Đến nay, đồng bào đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhờ vậy, năng suất cây trồng như lúa nước, điều đã tăng gấp 3 - 4 lần so với trước đây (Báo Đồng Nai, 2015). Nhiều loại máy móc được sử dụng thay thế cho lao động thủ công, như máy cày, máy bừa, máy bơm nước, máy gặt đập liên hoàn... Giá thuê máy năm 2016 như sau: thuê cày ải 1 lượt: 100.000 đồng/sào; thuê máy xới đất: 150.000 đồng/sào; thuê máy gặt đập liên hoàn: 200.000 đồng/sào. Cây điều sau khi thu hoạch đã được cắt tỉa cành vượt, cành sâu, bón phân… Tuy nhiên, mức độ đầu tư và chăm sóc cây trồng của đồng bào chưa nhiều, một phần do thiếu vốn và chưa tích lũy được nhiều kinh nghiệm sản xuất. Giá một số loại phân bón được sử dụng như sau: phân NPK: 520.000 - 650.000 đồng/bao 50kg; Kali: 600.000 đồng/bao 50kg; đạm Urê: 500.000 đồng/bao 50kg.

Hộp 1. **Áp dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt**

"*Hai vợ chồng tôi có 01 sào lúa và 04 sào điều. Tôi trồng giống lúa OM 5451, khoảng 90 - 95 ngày cho thu hoạch. Vụ Hè - Thu, đầu tháng 6 bắt đầu sạ, 20 ngày sau thì xịt thuốc diệt cỏ Sofit, dùng 100ml thuốc/sào, pha thành 4 bình, mỗi bình 8 lít. Tôi bón phân NPK hiệu Mỹ Nhật 3 đợt, đợt 1 từ 7 - 10 ngày sau sạ, đợt 2 từ 10 - 25 ngày là lúc đón đòng, lúa đẻ nhánh; đợt 3 từ 42 - 45 ngày là thời kỳ làm đòng, cho lúa chắc hạt. Mỗi đợt tôi bón 10kg/sào, ai không có điều kiện thì chỉ bón 2 đợt. Giờ trồng lúa thuê máy móc làm hết, máy cày phơi ải, xới đất, sạ lúa, gặt đập liên hoàn, lúa đóng bao chỉ việc chở về. Cây điều thu hoạch xong vào cuối tháng 5, đến tháng 7 thì tỉa cành, bón phân NPK, tôi bón có 1 lần 0,5kg/gốc, ai có điều kiện thì bón thêm khi điều ra hạt*".

Phỏng vấn sâu K A, người Mạ, 55 tuổi, ở ấp 4, xã Tà Lài

- Chuyển đổi trong chăn nuôi

Sống du canh du cư, các hộ có nuôi gà, vịt, heo giống địa phương, một số hộ khá giả nuôi thêm trâu, mà chủ yếu phục vụ các dịp lễ tết, như đám cưới, đám tang, các nghi lễ cúng trong nông nghiệp... Đến nay, mặc dù chăn nuôi của các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài chưa phát triển, song đã đóng góp một phần thu nhập cho hộ, giá bán trâu, bò khoảng 20 - 25 triệu đồng/con. Vật nuôi gồm có gà, vịt, trâu, bò, lợn và dê. Hội Phụ nữ xã Tà Lài đã hỗ trợ các hộ nghèo trong xã 50 con dê cái và 1 con dê đực làm giống. Trong 2 năm qua, đàn dê đã sinh sản được 83 con, tổng đàn dê hiện có là 133 con, trị giá 356 triệu đồng. Hội Liên hiệp Phụ nữ

Việt Nam đã hỗ trợ 130 triệu đồng cho 26 hội viên thuộc hộ nghèo để phát triển chăn nuôi (Hội Phụ nữ xã Tà Lài, 2016).

2.3. Đa dạng hóa hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Trong những năm gần đây, phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp được mở rộng và bước đầu có vị trí trong cơ cấu kinh tế của một số tộc người thiểu số (Bùi Bích Lan, 2015, tr. 26). Đối với các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài, nhiều hoạt động kinh tế phi nông nghiệp như: làm công nhân, đi làm ăn xa, làm thuê, tham gia hoạt động du lịch, cán bộ viên chức... vốn không phải là hoạt động kinh tế truyền thống của họ. Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đã đem lại thu nhập tương đối ổn định, góp phần giảm nghèo, giảm phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên VQG Cát Tiên, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống, giải quyết việc làm cho lao động dư thừa trong điều kiện đất canh tác ở xã Tà Lài hạn chế. Đây có thể xem là một hướng sinh kế bền vững cho các tộc người thiểu số.

Bảng 1. Tình hình chăn nuôi của người Mạ và Stiêng năm 2015

Đơn vị: con

Vật nuôi	Mạ	Stiêng	Tổng số lượng bán
Trâu	100	80	4
Bò	50	40	6
Lợn	30	50	Chưa thống kê
Dê	40	70	-
Gà, vịt	200	150	-

Nguồn: K Dách, 2015; Ấp 4, xã Tà Lài, tháng 9/2015.

- Làm công nhân

Hiện nay, có khoảng hơn 20 thanh niên người Mạ và Stiêng làm công nhân trong các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) thuộc huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai); huyện Hóc Môn (Thành phố Hồ Chí Minh)... Họ làm việc chủ yếu trong các lĩnh vực may mặc, giày da, điện tử, chế biến thủy sản (K Dách, 2016).

- Tham gia hoạt động du lịch

Nhằm chuyển đổi sinh kế cho các tộc người thiểu số ở vùng đệm VQG Cát Tiên góp phần giảm nghèo và giảm áp lực vào tài nguyên rừng, trong khuôn khổ dự án phát triển Du lịch sinh thái tại các Khu bảo tồn ở Việt Nam do WWF tài trợ, *Nhà tiếp đón du lịch cộng đồng Tà Lài* được khánh thành vào tháng 02/2012 tại ấp 4, xã Tà Lài. Tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch gồm có:

***Hộp 2*. Làm việc tại các khu công nghiệp**

"*Vợ em làm công nhân may ở huyện Tân Phú, cứ sáng đi, tối về. Lương mỗi tháng là 3,5 triệu đồng, cũng ổn định, nếu có tăng ca thì được thêm từ 1 - 1,5 triệu đồng. Có 2 đứa cháu họ làm cùng công ty luôn*".

Phỏng vấn sâu K D, người Mạ, 34 tuổi, ở ấp 4, xã Tà Lài

"*Nhà tôi con gái làm công nhân ở Công ty may Hòa Bình. Vợ chồng con trai, con dâu làm công nhân ở Công ty giày da Hàn Quốc, cùng ở huyện Vĩnh Cửu. Thằng con trai út học đến lớp 7 thì bỏ, chị nó đi trước giới thiệu vào làm ở công ty tư nhân, lương được 3 triệu đồng/tháng, khi nào có tăng ca thì được 4 triệu đồng/tháng*".

Phỏng vấn sâu K A, người Mạ, 55 tuổi, ở ấp 4, xã Tà Lài

Bảng 2. Nhân viên của Tổ hợp tác du lịch Tà Lài

STT	Họ và tên	Dân tộc	Công việc	Mức lương (đồng)
1	K Yếu	Mạ	Tổ trưởng Tổ hợp tác du lịch	4.000.000
2	K Ếch	Mạ	Bảo vệ	2.400.000
3	Điểu Nê	Stiêng	Bảo vệ	2.400.000
4	Ka Bản	Mạ	Tạp vụ	3.000.000
5	Triệu Thị Tái	Tày	Đầu bếp	3.600.000
6	Lý Thị Bướm	Tày	Đầu bếp	3.600.000
7	Lý Thị Thanh	Tày	Tổ trưởng bếp ăn	3.600.000
8	Lý Văn Tình	Tày	Phụ trách trò chơi đi xe đạp, chèo thuyền…	3.600.000
9	Lý Thị Tâm	Tày	Đầu bếp	3.600.000
10	Ka Hương	Mạ	Hướng dẫn tiếng Anh cho du khách nước ngoài	Tiền lương theo ngày công

Nguồn: K Yếu, 2016.

+ Tổ hợp tác du lịch Tà Lài: Nhân viên của Tổ hợp tác Tà Lài được trả lương, có bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

+ Đội cồng chiêng: Có 2 đội cồng chiêng của cộng đồng người Mạ và Stiêng, mỗi đội có 6 người. Đội cồng chiêng thường biểu diễn 2 - 3 điệu/tối, thời gian khoảng 15 phút/điệu, thù lao là 100.000 đồng/người.

+ Tổ dệt thủ công truyền thống của người Mạ: Sản phẩm dệt thổ cẩm của người Mạ ngoài đáp ứng tiêu dùng trong hộ, chủ yếu phục vụ khách du lịch. Duy trì và phát

triển tổ dệt may thổ cẩm ở ấp 4 tạo việc làm cho khoảng 50 phụ nữ Mạ, thu nhập khoảng 400.000 - 500.000 đồng/người/tháng. Giá bán một số sản phẩm dệt năm 2016 như sau: mền: 3 - 3,5 triệu đồng/tấm; xà rông: 500.000 đồng/cái; áo nam: 150.000 đồng/cái; váy, áo: 650.000 đồng/bộ; khăn: 200.000 đồng/cái; dây đeo tay: 30.000 đồng/cái; băng đô: 45.000 đồng/cái; ví nam, nữ: 30.000 - 40.000 đồng/cái; túi rút: 35.000 đồng/cái.

Ngoài ra, một số người Mạ và người Stiêng (chủ yếu là thanh niên) đi làm ăn xa, làm thuê (các công việc thường gắn với hoạt động nông nghiệp, như bón phân, thu hoạch điều, cà phê...), làm cán bộ viên chức…; một số ít hộ có thu nhập từ giao khoán bảo vệ rừng, song thu nhập này cũng rất thấp, khoảng 500.000 đồng/hộ/năm. Nhìn chung, hoạt động thương mại - dịch vụ chưa phát triển ở cộng đồng các tộc người thiểu số ở xã Tà Lài.

3. Một số yếu tố tác động đến chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ

Chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài chịu tác động của nhiều yếu tố. Một số yếu tố quan trọng đó là chương trình định canh định cư, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; quá trình công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) ở tỉnh Đồng Nai; và trình độ học vấn của các tộc người thiểu số tại chỗ.

3.1. Chương trình định canh định cư và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội

Định canh định cư là một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng ở miền núi, là một bộ phận trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Quá trình chuyển đổi kinh tế - xã hội để phát triển, do những tác động vào lối sống truyền thống, kết quả cuối cùng, sự thích ứng văn hóa dường như vẫn là xu hướng chủ đạo (Nguyễn Văn Toàn, 2013, tr. 9). Định canh định cư tại ấp 4, các tộc người thiểu số tại chỗ được cấp đất ở và nhà, lương thực, đồ dùng, quần áo... để ổn định cuộc sống; cấp đất sản xuất (bình quân 0,2ha/hộ), vốn, công cụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, được hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi... Các tộc người thiểu số tại chỗ đã chuyển đổi sinh kế từ canh tác nương rẫy du canh sang trồng lúa nước và canh tác nương rẫy định canh, mà chủ yếu là trồng cây điều.

Cho đến nay, có nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai ở các xã vùng đệm, như Chương trình 135, Chương trình 134, Chương trình 120, Chương trình 327, Dự án bảo vệ rừng và phát triển nông thôn do các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước tài trợ… Từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng ở xã Tà Lài đã được xây dựng và nâng cấp, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng các tộc người thiểu số tại chỗ, hỗ trợ cho sản xuất và tiêu thụ nông sản. Đến nay, 100% hộ ở xã đã có điện lưới quốc gia; có 02 hệ thống thông tin liên lạc di động của mạng Viettel và Vinaphone; ấp 4 có phân trạm Trạm y tế và Trường tiểu học, có một trường mầm non, có hệ thống đường giao thông tốt nhất so với các ấp trong xã, cầu treo Tà Lài khánh thành năm 2005, kết nối ấp 4 với Trung tâm xã và vùng lân cận...

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, giải quyết việc làm... đã được triển khai ở xã Tà Lài, như hỗ trợ về vốn tín dụng, đặc biệt là chương trình cho vay của Ngân

hàng Chính sách xã hội, trợ giá giống lúa; chuyển giao khoa học kỹ thuật trong trồng trọt và chăn nuôi... Năm 2015, có 183 hộ ở ấp 4 được vay vốn của Ngân hàng chính sách, trong đó có 112 hộ nghèo. Hộ nghèo và hộ cận nghèo (theo tiêu chuẩn quốc gia) được vay vốn thời gian là 5 năm, mức vay tối đa là 50 triệu đồng, lãi suất với hộ nghèo là 0,55%/tháng và hộ cận nghèo là 0,66%/tháng... Thực hiện chính sách đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, hàng năm, UBND xã Tà Lài khảo sát hộ gia đình nắm bắt nhu cầu học nghề và trình độ lao động; năm 2015, giới thiệu 378 lao động trong xã làm việc tại các công ty, xí nghiệp (Đảng bộ xã Tà Lài, 2015).

3.2. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Đồng Nai

Trước năm 1986, nông nghiệp vẫn được xem là ngành kinh tế chủ lực của tỉnh Đồng Nai, chiếm trên 70% GDP của tỉnh. Sau 30 năm đổi mới, Đồng Nai là một trong những tỉnh đi đầu của cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mà trọng tâm là phát triển công nghiệp. Nghị quyết số 88/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, đã đưa ra mục tiêu tổng quát là "*… xây dựng Đồng Nai trở thành tỉnh cơ bản công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2015 và tỉnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vào năm 2020…*", với cơ cấu kinh tế đến năm 2020 là: công nghiệp và xây dựng (chiếm 55% - 56%) - dịch vụ (chiếm 39,5% - 40,5%) - nông lâm nghiệp và thủy sản (chiếm 4,5% - 5,5%). Đến nay, tỉnh Đồng Nai có 31 KCN được thành lập, trong đó có 28 KCN đã hoạt động; và 27 CCN. Phát triển các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã giải quyết việc làm cho gần 500.000 lao động (Phạm Lưu, 2015), trong đó có một bộ phận là thanh niên người Mạ và người Stiêng ở xã Tà Lài.

3.3. Trình độ học vấn của các tộc người thiểu số tại chỗ

Báo cáo *Theo dõi nghèo nông thôn có sự tham gia của người dân* của Oxfam và ActionAid (2011) đã chỉ ra rằng, trình độ học vấn thấp hay mù chữ là một trở ngại đáng kể để người nghèo có thể tiếp cận và tiếp thu thông tin nhằm giải quyết các vấn đề sinh kế của mình. Không biết tiếng phổ thông là bất lợi cơ bản trong các mặt của đời sống như: mua bán, vay vốn, tham dự các cuộc họp và tập huấn khoa học kỹ thuật, đi làm ăn xa... (Oxfam và ActionAid, 2010, tr. 25).

Các tộc người thiểu số tại chỗ ở vùng đệm VQG Cát Tiên có trình độ học vấn thấp. Ở xã Tà Lài, số người mù chữ tập trung cao nhất ở các tộc người thiểu số tại chỗ, học vấn trung bình của họ là lớp 2 và ở nữ giới là dưới lớp 2, thấp hơn các tộc người thiểu số từ các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ (lớp 5) và người Kinh (lớp 6) sinh sống trong cùng địa bàn (Tôn Tú Anh và cộng sự, 2003, tr. 102). Kết quả khảo sát tháng 9/2015[5] của chúng tôi cho thấy, trình độ học vấn của

[5] Kết quả khảo sát của Đề tài ở 100 hộ, 475 nhân khẩu người Mạ ở vùng đệm VQG Cát Tiên [xã Tà Lài là 50 hộ, 219 nhân khẩu và xã Đồng Nai Thượng (huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng) là 50 hộ, 256 nhân khẩu]. Số người Mạ trong độ tuổi lao động có 289 người (chiếm 60,9%) và ngoài độ tuổi lao động là 186 người (chiếm 39,1%).

người Mạ trong độ tuổi lao động, mù chữ có 66 người (tỷ lệ 22,9%); tiểu học có 91 người (tỷ lệ 31,6%), trung học cơ sở có 80 người (tỷ lệ 27,8%), trung học phổ thông có 42 người (tỷ lệ 14,6%), trung cấp có 2 người (tỷ lệ 0,7%), cao đẳng và đại học có 7 người (tỷ lệ 2,4%). Đến năm 2015, số học sinh đang theo học đại học ở người Stiêng chỉ có 01 em.

Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài rút ra một số kết luận sau:

1. Định canh định cư ở xã Tà Lài, sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ đã chuyển đổi dần từ nền kinh tế tự cung tự cấp sang nền kinh tế gắn với thị trường. Đến nay, sản xuất nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế chủ đạo và hoạt động kinh tế phi nông nghiệp tương đối đa dạng. Trong trồng trọt, lúa nước là cây lương thực chính giúp đảm bảo an ninh lương thực của hộ; cây công nghiệp, chủ yếu là cây điều, là cây hàng hóa đem lại nguồn thu chính giúp hộ có vốn tái đầu tư phát triển sản xuất. Chăn nuôi đã đóng góp một phần vào thu nhập của hộ. Nhìn chung, năng suất cây trồng và vật nuôi của đồng bào chưa cao, một phần do thiếu vốn đầu tư và kinh nghiệm sản xuất. Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đa dạng, đem lại thu nhập tương đối ổn định, góp phần giảm nghèo và có thể xem là hướng sinh kế bền vững.

2. Chuyển đổi sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài đã đem lại những thay đổi tích cực, đời sống của cộng đồng các tộc người thiểu số dần ổn định và phát triển. Tuy nhiên, so với các cộng đồng cư dân sinh sống lân cận, đời sống của người Mạ và Stiêng hiện vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, trình độ học vấn thấp. Đây là một trong những rào cản trong chuyển đổi sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của các tộc người thiểu số tại chỗ.

Để phát triển bền vững các cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ ở xã Tà Lài hướng tới mục tiêu giảm nghèo, cải thiện đời sống kinh tế - xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên VQG Cát Tiên, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống; vấn đề cấp bách đặt ra là phải đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập của hộ. Đa dạng hóa sinh kế bao gồm đa dạng hóa hoạt động sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế phi nông nghiệp.

- Đa dạng hóa hoạt động sản xuất nông nghiệp: Do diện tích đất sản xuất ở ấp 4 hạn chế nên phát triển sản xuất nông nghiệp cần chú trọng áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng và vật nuôi, lựa chọn và phát triển một số cây, con đặc sản cho vùng. Phát huy lợi thế về môi trường sinh thái ở vùng đệm VQG Cát Tiên phát triển các loại cây hoa màu tiêu chuẩn chất lượng cao như VietGAP, GlobalGAP… để nâng giá trị sản phẩm.

- Phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp: Ở khu vực xã Tà Lài, có hai hướng việc làm khả thi, đó là: 1) Làm việc trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; và 2) Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái ở VQG Cát Tiên có vai trò của cộng đồng các tộc người thiểu số tại chỗ. Đa dạng hóa sinh kế của các tộc người thiểu số tại chỗ thành công, điểm mấu chốt là cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao trình độ học vấn và đào tạo tay nghề cho thanh niên người Mạ và Stiêng; đồng thời tiếp tục cần có các chính sách đặc thù hỗ trợ cho giáo dục - đào tạo cũng như chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển đổi nghề nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Tôn Tú Anh và cộng sự (2003), *Các yếu tố kinh tế - xã hội của các cộng đồng cư dân khu vực VQG Cát Tiên ảnh hưởng đến vấn đề bảo tồn và phát triển bền vững*, Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

2. Báo Đồng Nai (2015), *Đồng bào dân tộc vượt khó*, ngày 19/9/2015, trên trang http://www.baodongnai.com.vn/bandoc/201509/dong-bao-dan-toc-thieu-so-vuot-kho-2627822/, truy cập ngày 10/8/2016.

3. K Dách (Phó phụ trách ấp 4) (2015), *Báo cáo tình hình chung 6 tháng đầu năm và phương hướng 6 tháng cuối năm 2015*, Tà Lài, tháng 9/2015.

4. Đảng bộ xã Tà Lài (2015), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Tà Lài khoá IV (nhiệm kỳ 2010 -2015) trình Đại hội Đảng bộ xã lần thứ V (nhiệm kỳ 2015 - 2020)*, Tà Lài, ngày 19/4/2015.

5. Vũ Thị Hòa (2012), "Chuyển biến nghề nghiệp ở xã Thọ Xuân (huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội) những năm đầu thế kỷ XXI", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 20-24.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (2013), *Nghị quyết số 88/2013/NQ-HĐND về việc Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*.

7. Hội Phụ nữ xã Tà Lài (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu Hội liên hiệp phụ nữ xã Tà Lài lần thứ VI nhiệm kỳ 2016 - 2021*, Tà Lài, ngày 18/5/2016.

8. Bùi Thị Bích Lan (2015), "Các hoạt động phi nông nghiệp ở thôn Pò Cại: Thực trạng và những tác động", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4&5, tr. 26-36.

9. Phạm Lưu (2015), Kinh tế Đồng Nai hướng đến mục tiêu phát triển hài hòa, bền vững, trên trang http://www.laodongdongnai.vn/Kinh-te/Do-thi-khu-cong-nghiep/2E3444/kinh-te-dong-nai-huong-den-muc-tieu-phat-trien-hai-hoa-ben-vung.aspx, truy cập ngày 10/8/2016.

10. Oxfam và ActionAid (2010), *Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia tại một số cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam*, Báo cáo vòng 3 năm 2009.

11. Oxfam và ActionAid (2011), *Theo dõi nghèo nông thôn Việt Nam có sự tham gia của người dân: Báo cáo tổng hợp 2007 - 2011*.

12. Nguyễn Văn Sửu (2008), *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

13. Nguyễn Văn Tạo (2012), "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và những vấn đề đặt ra ở xã Gia Lương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 39-47.

14. Trần Quang Toại và cộng sự (1991), *Lịch sử đảng bộ huyện Tân Phú*, Nxb Khoa học xã hội, Nxb Đồng Nai.

15. Nguyễn Văn Toàn (2013), *Định canh định cư ở người Khơ Mú và người Hmông, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An*, Tóm tắt Luận án tiến sĩ, Thư viện Quốc gia.

16. UBND xã Tà Lài (2000), *Kế hoạch hành động xã Tà Lài*.

17. UBND xã Tà Lài (2015), *Số liệu thống kê kinh tế - xã hội của xã Tà Lài năm 2014*.

18. VQG Cát Tiên (2012), *Hồ sơ khoa học di tích danh thắng đặc biệt VQG Cát Tiên*.

19. Trần Hồng Yến (2009), "Chuyển đổi nghề nghiệp ở một xã ngoại thành Hà Nội được chuyển thành phường", *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 28-38.

20. K Yếu (Tổ trưởng Tổ hợp tác du lịch Tà Lài) (2016), *Tình hình hoạt động du lịch ở xã Tà Lài*, Tà Lài, ngày 28/6/2016.